TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 12 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 32 Cổ Mân 2, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Trần Thị Như Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 32 Cổ Mân 2, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 3 năm 2018, người yêu cầu là ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q đã thỏa thuận được như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2010 do UBND phường H, quận T, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 30/11/2010), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xung đột, không còn tình cảm gì với nhau nữa nên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q đều thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q xác định có hai con chung Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 17/11/2014 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 08/12/2017.

Ly hôn, hai bên thỏa thuận: Giao hai con chung Nguyễn Trần Huyền A và Nguyễn Hữu Đ cho bà Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) (2.000.000 đồng/ một con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 28/3/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về tài sản chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q xác định không có.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07646 ngày 05/3/2019.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2010 do UBND phường H, quận T, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 30/11/2010).

* Về con chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q xác định có hai con chung Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 17/11/2014 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 08/12/2017.

Ly hôn, hai bên thỏa thuận: Giao hai con chung Nguyễn Trần Huyền A và Nguyễn Hữu Đ cho bà Trần Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) (2.000.000 đồng/ một con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng vào ngày 28 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 28/3/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi và lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về tài sản chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung.

* Về nợ chung: ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hữu H và bà Trần Thị Như Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07646 ngày 05/3/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND P. H, quận T, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa